



# ĐIỀU CHỈNH GIÁ

## HƯỚNG DẪN ĐẦU THẦU

---

THÁNG 6/2018



# ĐIỀU CHỈNH GIÁ

HƯỚNG DẪN ĐẤU THẦU

---

THÁNG 6/2018



**Giấy phép Các sản phẩm Sáng tạo chung-Phi thương mại-  
Không phái sinh 3.0  
IGO (CC BY-NC-ND 3.0 IGO)**

@2018 Ngân hàng Phát triển Châu Á

Số 6 Đại lộ ADB, Thành phố Mandaluyong, 1550 Metro Manila, Philippines

ĐT +63 2 632 4444; Fax +63 2 636 2444

[www.adb.org](http://www.adb.org)

Bảo lưu một số quyền. Xuất bản năm 2018.

ISBN 978-92-9261-580-2 (bản in), 978-92-9261-581-9 (bản điện tử)

Số lưu chiểu: TIM189679-3

DOI: <http://dx.doi.org/10.22617/TIM189679-3>

Quan điểm được trình bày trong tài liệu này thuộc về tác giả và không phản ánh quan điểm hay chính sách của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) hoặc Hội đồng Thống đốc ADB hay các chính phủ mà Hội đồng đại diện.

ADB không đảm bảo tính chính xác của số liệu trình bày trong ấn phẩm này và không chịu trách nhiệm về bất kỳ hậu quả nào của việc sử dụng các số liệu đó. Việc đề cập tên công ty hay sản phẩm cụ thể của nhà sản xuất trong tài liệu này không ám chỉ rằng ADB phê duyệt hay khuyến nghị sử dụng hơn so với các đơn vị hay sản phẩm có cùng tính năng không được đề cập.

Việc đề cập hay tham chiếu tới một lãnh thổ hay khu vực địa lý cụ thể cũng như sử dụng thuật ngữ “quốc gia” không ám chỉ bất kỳ đánh giá nào của ADB về tính pháp lý cũng như tình trạng khác của bất kỳ lãnh thổ nào.

Tài liệu này được xuất bản theo Giấy phép Các sản phẩm Sáng tạo chung-Phi thương mại- Không phái sinh 3.0 IGO (CC BY-NC-ND 3.0 IGO) <http://creativecommons.org/licenses/by-nc-nd/3.0/igo/>. Với việc sử dụng nội dung của tài liệu này, bạn đã đồng ý tuân thủ các điều khoản của giấy phép nói trên. Về bản quyền và giấy phép, vui lòng đọc các quy định và điều kiện sử dụng tại <https://www.adb.org/terms-use#openaccess>.

Giấy phép Các sản phẩm Sáng tạo chung sẽ không được áp dụng với những nội dung không thuộc bản quyền của ADB trong tài liệu này. Nếu tư liệu này cần phải ghi nhận tác quyền, xin liên hệ với chủ sở hữu bản quyền hoặc nhà xuất bản của nguồn tư liệu để xin phép sử dụng. ADB sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý về bất kỳ khiếu nại nào do việc người đọc sử dụng những nguồn tư liệu nêu trên.

Nếu có nhận xét hoặc câu hỏi khác đối với nội dung tài liệu, hoặc nếu muốn xin phép bản quyền cho việc sử dụng nằm ngoài những phạm vi nêu trên, hay xin phép sử dụng biểu trưng của ADB, xin vui lòng liên hệ [pubsmarketing@adb.org](mailto:pubsmarketing@adb.org).

Ghi chú:

Trong ấn phẩm này, “\$” chỉ đồng Đô la Mỹ.

Xem thêm nội dung hiệu đính của các ấn phẩm do ADB phát hành tại

<http://www.adb.org/publications/corrigenda>.

---

# MỤC LỤC

---

|   |      |
|---|------|
| Danh mục Bảng, Hình và Hộp                              | iv   |
| Giới thiệu về Tài liệu Hướng dẫn                        | v    |
| Danh mục từ viết tắt                                    | viii |
| Tóm tắt tổng quan                                       | ix   |
| I. Giới thiệu chung                                     | 1    |
| II. Quyết định áp dụng điều chỉnh giá                   | 4    |
| III. Áp dụng công thức điều chỉnh giá                   | 6    |
| IV. Quản lý hợp đồng                                    | 10   |
| Phụ lục 1: Các ví dụ về công thức điều chỉnh giá        | 13   |
| Phụ lục 2: Ví dụ về áp dụng và tính toán điều chỉnh giá | 15   |
| Phụ lục 3: Thành phần không được điều chỉnh             | 24   |

---

## DANH MỤC BẢNG, HÌNH VÀ HỘP

---

### BẢNG

|   |    |
|---|----|
| A1. Các ví dụ về công thức điều chỉnh giá | 13 |
|---|----|

### HÌNH

|  |    |
|--|----|
| 1. Điều chỉnh giá trong chu trình đấu thầu của ADB | 2  |
| A2. Hệ số điều chỉnh đối với dầu                   | 23 |

### HỘP

|  |    |
|--|----|
| 1. Trượt giá   | 1  |
| 2. “Thời gian dài” thông thường được hiểu là 18 tháng            | 4  |
| 3. Ba thành phần của công thức điều chỉnh giá                    | 6  |
| 4. Lựa chọn biện pháp thi công ảnh hưởng đến việc điều chỉnh giá | 7  |
| 5. Ví dụ về nguồn cho cốt phối đá dăm                            | 11 |

## GIỚI THIỆU VỀ TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN

Tháng 4 năm 2017, Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) phê duyệt khung đấu thầu mới - Chính sách Mua sắm, Đấu thầu của ADB: Hàng hoá, Xây lắp, Dịch vụ phi tư vấn và Dịch vụ tư vấn (năm 2017, được sửa đổi theo từng thời điểm) và Quy chế Mua sắm, Đấu thầu cho Bên vay vốn ADB: Hàng hoá, Xây lắp, Dịch vụ phi tư vấn và Dịch vụ tư vấn (năm 2017, được sửa đổi theo từng thời điểm). Các tài liệu này thay thế Hướng dẫn Sử dụng Tư vấn (năm 2013, được sửa đổi theo từng thời điểm) và Hướng dẫn Đấu thầu (năm 2015, được sửa đổi theo từng thời điểm). Chính sách và Quy chế Đấu thầu điều chỉnh hoạt động đấu thầu của các cơ quan chủ quản và cơ quan thực hiện dự án được tài trợ một phần hay toàn bộ bằng khoản vay/viện trợ không hoàn lại của ADB và nguồn vốn do ADB quản lý. ADB thiết kế chính sách đấu thầu năm 2017 nhằm đảm bảo lợi ích và tính linh hoạt đáng kể trong chu trình đấu thầu dự án cũng như để cải thiện hiệu quả thực hiện dự án bằng cách tập trung vào các khái niệm chất lượng, giá trị đồng tiền đầu tư và phù hợp với mục đích.

Ấn phẩm này là một trong các tài liệu Hướng dẫn chi tiết mà ADB phát hành trong năm 2018 sau khi phát hành Chính sách đấu thầu và Các Quy chế Đấu thầu năm 2017. Mỗi tài liệu sẽ hướng dẫn cho bên vay (bao gồm cả các đơn vị nhận viện trợ không hoàn lại), nhà thầu, và các tổ chức xã hội dân sự về một chủ đề theo khung quy chế mới (xem danh mục bên dưới). Các Hướng dẫn có sự dẫn chiếu qua lại và cần được tham khảo đồng bộ. Tất cả tài liệu tham khảo cho “Các Hướng dẫn” đều là một phần không tách rời của những Hướng dẫn này. Các Hướng dẫn có thể được cập nhật, thay thế hoặc thu hồi bất kỳ lúc nào.



### Danh sách các Hướng dẫn thực hiện Chính sách đấu thầu và Các Quy chế Đấu thầu của ADB ( 2017)

- |  |   |
|--|---|
| <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giá trị Đồng tiền Đầu tư</li> <li>2. Khung Rủi ro Đấu thầu</li> <li>3. Lập Kế hoạch Đấu thầu Chiến lược</li> <li>4. Giám sát Đấu thầu</li> <li>5. Cơ chế Đấu thầu Thay thế</li> <li>6. Đấu thầu Cạnh tranh Rộng rãi</li> <li>7. Điều chỉnh Giá</li> <li>8. Hồ sơ Dự thầu Giá thấp Bất thường</li> <li>9. Ưu đãi Nội địa</li> <li>10. Sơ tuyển</li> <li>11. Thầu phụ</li> <li>12. Dịch vụ Tư vấn do Bên vay của ADB Quản lý</li> <li>13. Dịch vụ Phi tư vấn do Bên vay của ADB Quản lý</li> </ol> | <ol style="list-style-type: none"> <li>14. Công nghệ cao</li> <li>15. Chất lượng</li> <li>16. Khiếu nại liên quan đến Đấu thầu</li> <li>17. Không tuân thủ trong Đấu thầu</li> <li>18. Thời gian Tạm hoãn</li> <li>19. Doanh nghiệp có Vốn Nhà nước</li> <li>20. Đấu thầu Điện tử</li> <li>21. Toà thuận Khung về Cung cấp Dịch vụ Tư vấn</li> <li>22. Hợp tác Công - Tư (PPP)</li> <li>23. Quản lý Hợp đồng</li> <li>24. Các trường hợp dễ bị tổn thương, bị tác động bởi xung đột và tình huống khẩn cấp</li> </ol> |
|--|---|

Những cải cách về đấu thầu của ADB hướng đến đảm bảo giá trị đồng tiền đầu tư thông qua cải thiện tính linh hoạt, chất lượng và hiệu quả trong quá trình đấu thầu (xem minh hoạ bên dưới và *Hướng dẫn về giá trị đồng tiền đầu tư*). Giá trị đồng tiền đầu tư là một phần của cấu trúc đấu thầu thống nhất với ba trụ hỗ trợ chính: hiệu quả, chất lượng và linh hoạt. Hai nguyên tắc chủ chốt là minh bạch và công bằng xuyên suốt tất cả các thành phần của cấu trúc.



### Thời gian

Thời gian là một yếu tố quan trọng quyết định giá trị đồng tiền đầu tư. Khi một dự án hay quy trình được hoàn thành nhanh chóng, thời gian được rút ngắn đó sẽ tạo ra giá trị lớn hơn cho tất cả các bên liên quan. Ví dụ, một dự án làm đường hoàn thành sớm sẽ mang lại lợi ích kinh tế, an ninh, hay những giá trị khác cho cộng đồng mà nó phục vụ. Điều này cũng làm tăng tỷ suất lợi nhuận trên đầu tư cho cơ quan thực hiện và đẩy nhanh tiến độ dự án cũng như thanh toán cho nhà thầu được lựa chọn. Tương tự như vậy, một dự án chậm tiến độ sẽ làm giảm giá trị đáng kể cho các bên liên quan.

Khi xem xét giá trị đồng tiền đầu tư trong bối cảnh đấu thầu, cần lưu ý đến tất cả các yếu tố có thể (i) rút ngắn thời gian chu trình đấu thầu hoặc (ii) đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án phát triển.





## Mục đích

Tài liệu hướng dẫn này nhằm mục đích hỗ trợ người sử dụng thông qua việc diễn giải cụ thể và chi tiết các chính sách và Quy chế Đấu thầu ban hành năm 2017 của ADB cho bên vay (bao gồm cả các đơn vị nhận viện trợ không hoàn lại).

Hướng dẫn này đưa ra các thông tin bổ sung để người sử dụng xem xét khi áp dụng chính sách và Quy chế Đấu thầu của ADB trong từng trường hợp cụ thể.



## Tài liệu sẽ tiếp tục được cập nhật, sửa đổi

Tài liệu hướng dẫn này sẽ tiếp tục được sửa đổi và cập nhật nếu cần thiết.

Vui lòng kiểm tra trang web của ADB, phần Business Center để có phiên bản cập nhật mới nhất, <https://www.adb.org/business/main>.



## Người sử dụng tài liệu

Trong nhiều trường hợp, người đọc nên sử dụng hướng dẫn này tùy theo nhu cầu cụ thể. Để đảm bảo tính nhất quán trong toàn bộ Tài liệu hướng dẫn, những giả định sau đây sẽ được áp dụng về đối tượng sử dụng:

Người sử dụng là chuyên gia tham gia vào các dự án được tài trợ một phần hay toàn bộ bằng khoản vay/viện trợ không hoàn lại của ADB và nguồn vốn do ADB quản lý.



## Câu hỏi thường gặp

Các câu hỏi thường gặp, đề nghị giải thích làm rõ, ví dụ, thông tin bổ sung, liên kết đến trang đào tạo và các tài nguyên hữu ích khác sẽ được cung cấp trên trang web của ADB.

Hãy nhớ kiểm tra trang web của ADB, phần Business Center để tìm hiểu thêm thông tin, <https://www.adb.org/business/main>.



## Giá trị Pháp lý và Thứ tự Ưu tiên

Bản hướng dẫn này giải thích và cụ thể hóa các điều khoản của Quy chế Đấu thầu cho bên vay vốn ADB: Hàng hoá, Xây lắp, Dịch vụ phi tư vấn và Dịch vụ tư vấn (năm 2017 và được sửa đổi theo từng thời điểm) áp dụng cho các cơ quan điều hành (và thực hiện) dự án tài trợ cấp Chính phủ (và cấp địa phương) được nhận một phần hay toàn bộ vốn đầu tư của ADB (nghĩa là ngoại trừ các khoản vay dựa trên kết quả đầu ra hoặc cho vay chính sách của ADB), các khoản viện trợ không hoàn lại (không bao gồm các dự án hỗ trợ kỹ thuật và tư vấn chuyên gia do ADB quản lý), hoặc nguồn vốn do ADB quản lý.

Trong trường hợp có mâu thuẫn hay khác biệt giữa tài liệu hướng dẫn này và các Quy chế Đấu thầu, Quy chế Đấu thầu sẽ được ưu tiên áp dụng. Hiệp định tài trợ sẽ điều chỉnh mối quan hệ pháp lý giữa Bên vay và ADB. Quyền và nghĩa vụ giữa Bên vay và nhà cung cấp hàng hóa, xây lắp, hoặc dịch vụ sẽ tuân theo tài liệu mua sắm cụ thể do Bên vay phát hành và hợp đồng đã ký giữa Bên vay và nhà cung cấp chứ không phải theo Hướng dẫn này.

---

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

---

|       |   |                                   |
|-------|---|-----------------------------------|
| ADB   | — | Ngân hàng Phát triển Châu Á       |
| FIDIC | — | Hiệp hội Quốc tế các Kỹ sư Tư vấn |
| GCC   | — | Các điều kiện chung của hợp đồng  |
| MDB   | — | Ngân hàng Phát triển Đa phương    |
| SBD   | — | Mẫu hồ sơ mời thầu                |

---

## TÓM TẮT TỔNG QUAN

---

Hướng dẫn này đề cập đến việc áp dụng điều chỉnh giá trong các hợp đồng đấu thầu, mua sắm hàng hóa, xây lắp và nhà máy được tài trợ toàn bộ hay một phần bằng khoản vay hoặc viện trợ không hoàn lại của ADB, hoặc bằng nguồn vốn do ADB quản lý. Hướng dẫn làm rõ các nguyên tắc điều chỉnh giá và thảo luận về các khía cạnh cần được xem xét trong hoạt động đấu thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp và nhà máy có kèm theo các điều khoản điều chỉnh giá. Hướng dẫn đưa ra giải thích về các thành phần trong công thức điều chỉnh giá và một số ví dụ về cách áp dụng. Người dùng có thể tham khảo hướng dẫn trong quá trình chuẩn bị dự án, đấu thầu và quản lý hợp đồng.

Việc sử dụng hiệu quả các điều khoản điều chỉnh giá có thể

### **Nâng cao tính hiệu quả, tính phù hợp với mục đích và giá trị đồng tiền đầu tư**

- Mô tả tình huống và điều kiện cần áp dụng điều chỉnh giá.
- Cho phép bên vay (bao gồm bên nhận viện trợ không hoàn lại) tận dụng tối đa nguồn lực thông qua áp dụng các điều khoản điều chỉnh giá.
- Giải thích cách thức các điều khoản điều chỉnh giá được cân nhắc trong quy trình đấu thầu và trong quá trình thực hiện hợp đồng.

### **Cải thiện chất lượng**

- Giải thích các phương pháp khác nhau và công thức để áp dụng điều chỉnh giá, tùy thuộc vào tính chất và phạm vi của hợp đồng.
- Giảm thiểu rủi ro liên quan đến giá cả leo thang trong quá trình thực hiện hợp đồng.

### **Cải thiện tính công bằng và minh bạch**

- Cung cấp đầy đủ hướng dẫn và quy trình để đảm bảo giá hợp đồng được điều chỉnh hợp lý do sự biến động của các thành phần chi phí chính trong hợp đồng.

### **Khuyến khích phát triển ngành nghề trong nước**

- Bảo vệ các nhà thầu trong nước chịu rủi ro trượt giá trong quá trình thực hiện hợp đồng.



---

# I. Giới thiệu chung

---

1.1 Hướng dẫn này nhằm hỗ trợ người dùng lập kế hoạch và áp dụng các điều khoản điều chỉnh giá trong các hợp đồng được tài trợ toàn bộ hoặc một phần bằng khoản vay hoặc viện trợ không hoàn lại của ADB, hoặc bằng nguồn vốn do ADB quản lý. Điều chỉnh giá là việc điều chỉnh giá tổng thể của một hợp đồng để tính đến những thay đổi hợp lý trong chi phí thực hiện hợp đồng. Cơ chế này bảo vệ cả bên mua và bên bán khỏi những biến động giá đầu vào không thể lường trước. Hướng dẫn này thảo luận về các điều khoản điều chỉnh giá đối với các hợp đồng đấu thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp và nhà máy.<sup>1</sup> Các điều khoản điều chỉnh giá được xây dựng trong các giai đoạn lập kế hoạch đấu thầu và chuẩn bị hồ sơ dự thầu của chu trình đấu thầu của ADB và được sử dụng khi cần thiết trong giai đoạn thực hiện hợp đồng (Hình 1).

1.2 Điều chỉnh giá là công cụ bảo vệ nhà thầu<sup>2</sup> khỏi rủi ro trượt giá (Hộp 1). Tác động tích lũy do trượt giá có thể đáng kể ở các hợp đồng có thời gian giao hàng và thời gian hoàn thành kéo dài. Các hợp đồng cung cấp vật liệu hoặc hàng hóa dễ biến động về giá cũng có thể chịu rủi ro giá tăng đột ngột và đáng kể. Điều chỉnh giá cũng có thể là biện pháp tiết kiệm chi phí cho bên vay (hoặc bên nhận viện trợ không hoàn lại) khi giá cả đi xuống.

---

## Hộp 1 Trượt giá

Trượt giá là khi giá đi lên và có thể được tính đến như một yếu tố trong một hợp đồng. Khi trượt giá và vượt quá mức dự kiến, dòng tiền của nhà thầu có thể bị ảnh hưởng dẫn đến chậm trễ trong thi công và công trình chất lượng thấp.

Nguồn: Ngân hàng Phát triển Châu Á.

---

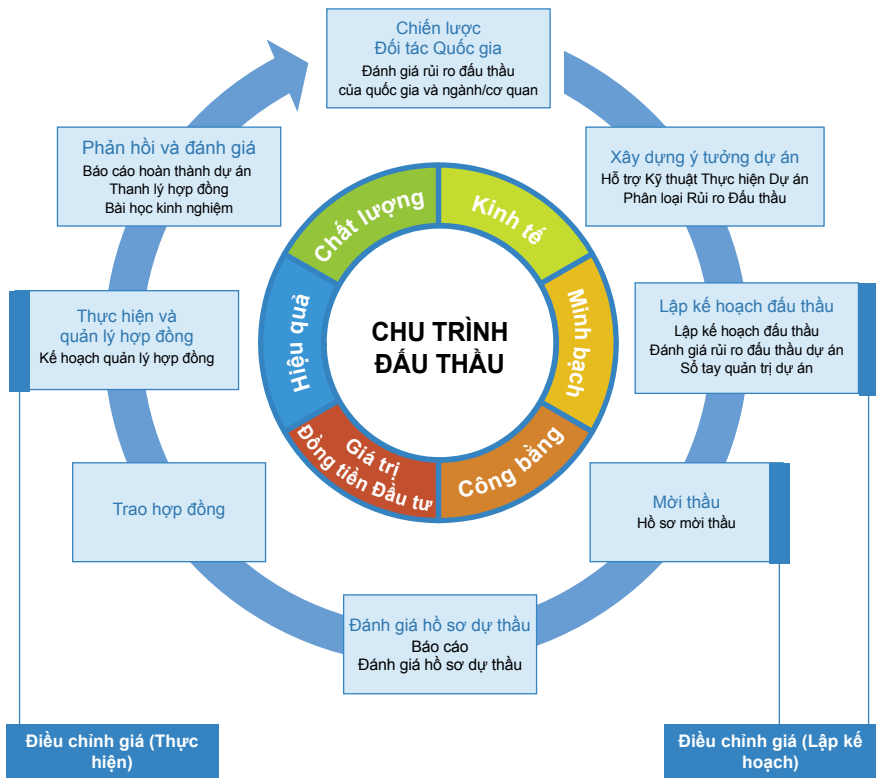
1.3 Bên vay có thể muốn chuyển rủi ro biến động giá đầu vào cho các nhà thầu, tuy nhiên điều này thường dẫn đến chi phí tổng thể cao hơn vì hai lý do. Thứ nhất, nhà thầu sẽ xây dựng mức dự phòng cho trường hợp tăng giá đầu vào cho suốt chu trình hợp đồng. Theo thời gian, điều này có thể dẫn đến giá trung bình phải trả cao hơn cho cùng các công việc. Thứ hai, quy trình đấu thầu cạnh tranh sẽ trao hợp đồng cho nhà thầu nào chấp nhận rủi ro cao nhất và điều này làm gia tăng rủi ro nhà thầu không hoàn thành hoặc vi phạm hợp đồng nếu giá đầu vào tăng đáng kể.

---

<sup>1</sup> Điều chỉnh giá cũng có thể được sử dụng trong các hợp đồng dịch vụ tư vấn và phí tư vấn để điều chỉnh mức thù lao do tác động của lạm phát đối với hợp đồng trong khoảng thời gian 18 tháng hoặc dài hơn. Đối với hợp đồng dịch vụ tư vấn, các điều khoản này được quy định trong mẫu yêu cầu nộp đề xuất của ADB và thông thường nên được căn cứ vào chỉ số của quốc gia của đồng tiền thanh toán, không phụ thuộc vào quốc tịch và nơi cư trú của bên tư vấn, hay địa điểm thực hiện dịch vụ. Các hợp đồng dịch vụ phí tư vấn cũng có thể áp dụng các điều khoản này.

<sup>2</sup> Trong hướng dẫn này, thuật ngữ “nhà thầu” sẽ được sử dụng chung cho nhà thầu thi công công trình hoặc nhà máy, hoặc cho nhà cung cấp hàng hóa.

Hình 1: Điều chỉnh giá trong chu trình đấu thầu của ADB



Nguồn: Ngân hàng Phát triển Châu Á.

1.4 Nhà thầu sẽ tính đến yếu tố trượt giá khi chuẩn bị hồ sơ dự thầu, tùy thuộc vào hợp đồng được quy định trong hồ sơ mời thầu:

- (i) Trong một hợp đồng giá cố định, nhà thầu sẽ tính đến các rủi ro tài chính tổng hợp liên quan đến trượt giá trong hồ sơ dự thầu của mình.
- (ii) Trong một hợp đồng giá không cố định, một công thức điều chỉnh giá được sử dụng để ước tính mức trượt giá, do đó nhà thầu có thể lựa chọn giảm mức phí đi kèm với rủi ro trượt giá trong hồ sơ dự thầu của mình để đảm bảo tính cạnh tranh.

1.5 Hợp đồng giá cố định có thể mang lại tính chắc chắn cho ngân sách và đơn giản hóa việc quản lý hợp đồng. Tuy nhiên, hợp đồng giá cố định có thể kèm theo các vấn đề khác do nó yêu cầu nhà thầu phải ước tính và gánh chịu các rủi ro tài chính liên quan đến trượt giá. Nếu ước tính quá cao hoặc không xảy ra tình trạng trượt giá, bên vay sẽ phải trả mức giá cao có thể ảnh hưởng đến tính kinh

tế và hiệu quả của hợp đồng. Trường hợp xấu nhất, giá dự thầu có thể vượt quá ngân sách và dẫn đến giảm yêu cầu hoặc phải đấu thầu lại. Nếu ước tính quá thấp, hồ sơ dự thầu có thể bị xem là có giá thấp bất thường và làm gián đoạn việc thực hiện hợp đồng.

1.6 Điều khoản điều chỉnh giá bao gồm các công thức được thiết kế để giải quyết các vấn đề và có thể bảo vệ cả bên vay và nhà thầu trước các biến động giá cả. Công thức điều chỉnh giá cho phép nhà thầu chào các mức giá sát với thực tế hơn tại thời điểm đấu thầu. Mặc dù có thể kèm theo sự không chắc chắn về ngân sách, công thức điều chỉnh giá cho phép nhà thầu ước tính các tác động chi phí thực tế. Công thức điều chỉnh giá sử dụng các chỉ số có thể được sử dụng cho dự toán chi phí.

## II. Quyết định áp dụng điều chỉnh giá

2.1 Quy chế Đấu thầu, Mua sắm dành cho Bên vay của ADB: Hàng hoá, Xây lắp, Dịch vụ phi tư vấn và Dịch vụ tư vấn (năm 2017, được sửa đổi theo từng thời điểm) quy định rằng hồ sơ mời thầu phải cho biết liệu có được phép sử dụng điều khoản điều chỉnh giá hay không, và số tiền điều chỉnh giá sẽ được dựa trên các thay đổi về giá của các thành phần chính của hợp đồng.<sup>3</sup> Mục đích của điều chỉnh giá là để bảo vệ các bên trước tình trạng trượt giá không dự đoán được, do đó nên được áp dụng đối với hợp đồng chịu nhiều rủi ro biến động giá.

### A. Khi nào có thể áp dụng điều chỉnh giá

2.2 Rủi ro trượt giá thường xuất hiện

- (i) đối với các hợp đồng mua sắm hàng hoá có thời gian giao hàng dài;
- (ii) đối với các hợp đồng xây lắp có thời gian hoàn thành dài;
- (iii) đối với các hợp đồng xây lắp lớn;
- (iv) đối với các hợp đồng bao gồm hàng hoá hoặc thương phẩm có giá cả biến động đáng kể trong thời gian ngắn;
- (v) đối với các dịch vụ tư vấn dựa trên thời gian, ví dụ dịch vụ giám sát xây dựng (xem ghi chú 1); và
- (vi) do các tình huống bất thường trong thị trường liên quan.

2.3 Thời gian giao hàng hoặc hoàn thành càng kéo dài thì khả năng xảy ra biến động giá thị trường đối với các thành phần càng cao. Do chi phí xây lắp, ví dụ, phụ thuộc trực tiếp vào chi phí các thành phần, sự biến động giá này sẽ tác động lên chi phí tổng thể của hợp đồng xây lắp. Do vậy, ADB áp dụng một hướng dẫn chung rằng bất kỳ hợp đồng nào có thời gian giao hàng hoặc hoàn thành vượt quá 18 tháng nên bao gồm điều khoản điều chỉnh giá phù hợp (Hộp 2).

#### Hộp 2

#### “Thời gian dài” thông thường được hiểu là 18 tháng

Thời gian giao hàng dài hoặc thời gian hoàn thành công trình kéo dài thường được hiểu là vượt quá 18 tháng.

Nguồn: Ngân hàng Phát triển Châu Á.

2.4 Giá của một số thành phần vẫn có thể biến động đáng kể trong khoảng thời gian ngắn hơn 18 tháng. Các thành phần này thường bao gồm bitum, nhiên liệu, xi măng, thép gia cường, v.v. Trong bối cảnh biến động giá cả của các thành

<sup>3</sup> Tham khảo Phụ lục 3, đoạn 47 của Quy chế đấu thầu



phần như vậy trong khoảng thời gian ngắn, việc áp dụng điều khoản điều chỉnh giá cũng được xem là phù hợp, bất kể thời gian thực hiện hợp đồng là bao lâu.

## **B. Khi nào không áp dụng điều chỉnh giá**

2.5 Quy định về điều chỉnh giá có thể không cần thiết đối với

- (i) Các hợp đồng cung cấp hàng hóa đơn giản (ví dụ: các thành phần liên quan thường không bị ảnh hưởng bởi giá cả leo thang hoặc biến động) với thời gian giao hàng ngắn;
- (ii) Việc mua sắm những loại thiết bị nhất định mà theo thông lệ thương mại, nhà thầu được yêu cầu đề xuất giá cố định bất kể thời gian giao hàng. Những trường hợp này có thể bao gồm
  - (a) Hợp đồng thiết kế, mua sắm và xây dựng;
  - (b) Các hợp đồng giá cố định thường được áp dụng trong các dự án do khu vực tư nhân tài trợ, bởi họ thường không sẵn sàng chấp nhận rủi ro vượt chi phí do điều này làm tăng xếp hạng rủi ro tín dụng và làm giảm năng lực tài chính của dự án;
- (iii) Các hợp đồng cung cấp, lắp đặt và xây dựng các cơ sở trong đó giá trị của các công trình vĩnh viễn chiếm phần lớn dự toán chi phí của hợp đồng. Tất cả các thiết bị chính thường được cung cấp từ các dây chuyền sản xuất cố định, do đó một nhà sản xuất giàu kinh nghiệm sẽ có khả năng giảm thiểu được rủi ro biến động giá.

## **C. Các hợp đồng cần được ADB kiểm tra trước**

2.6 Khi đề xuất sử dụng phương pháp giá cố định đối với một hợp đồng dài hạn (thường là dài hơn 18 tháng), bên vay cần cung cấp các thông tin sau đây cho ADB để kiểm tra và phê duyệt trước:

- (i) Giá dự toán của công trình vĩnh viễn, cho thấy giá trị này chiếm phần lớn dự toán chi phí của hợp đồng;
- (ii) Nếu có thể, mô tả tóm tắt về tất cả các thiết bị và vật liệu chính để xây dựng nhà máy, ví dụ: đồng, xi măng, v.v.;
- (iii) Đánh giá ngắn gọn về tác động tiềm năng của phương pháp giá cố định cho thấy phương pháp này sẽ không ảnh hưởng đến tính cạnh tranh của quy trình đấu thầu đối với hợp đồng.

2.7 Trong trường hợp giá trị của công trình vĩnh viễn không chiếm đa số dự toán chi phí của hợp đồng, bên vay phải đánh giá sự cần thiết và phạm vi điều chỉnh giá.

## III. Áp dụng công thức điều chỉnh giá

3.1 Không có một công thức điều chỉnh giá duy nhất cho tất cả các tình huống. Có nhiều công thức khác nhau có thể được áp dụng trong các hợp đồng, tùy thuộc vào quy mô và thành phần của hợp đồng. Phụ lục 1 cho ví dụ về một số công thức này và Phụ lục 2 đưa ra các ví dụ tính toán.

3.2 Một hợp đồng có thể bao gồm một hoặc nhiều đồng tiền thanh toán. Đối với các hợp đồng có điều khoản điều chỉnh giá, phải có ít nhất một công thức điều chỉnh giá được áp dụng cho từng đồng tiền thanh toán.

3.3 Các hợp đồng cho công trình và nhà máy lớn và phức tạp có thể bao gồm nhiều phân đoạn, mỗi phân đoạn có thể khác nhau về tính chất, địa điểm, khả năng tiếp cận, thời gian hoặc bất kỳ đặc tính nào khác có thể dẫn đến sự khác biệt về biện pháp thi công, phân kỳ công trình hoặc xem xét chi phí. Các hạng mục chung cho tất cả các phần của công trình có được xếp vào một nhóm riêng trong bảng tiên lượng. Đối với những hợp đồng này, mỗi nhóm hoặc phân đoạn có thể cần một công thức điều chỉnh giá khác nhau với các thành phần chi phí và trọng số khác nhau.

### A. Thành phần của công thức

3.4 Các công thức điều chỉnh giá bao gồm các thành phần chi phí cố định hay không được điều chỉnh và thành phần chi phí được phép điều chỉnh. Mỗi thành phần chi phí có một hệ số hoặc trọng số được tính toán dựa trên giá trị theo tỷ lệ của thành phần đó trong tổng giá trị hợp đồng theo dự toán của kỹ sư. Chỉ số giá cũng được sử dụng để ước tính điều chỉnh định kỳ đơn giá của từng thành phần chi phí bao gồm trong công thức (Hộp 3).

#### Hộp 3

##### Ba thành phần của công thức điều chỉnh giá

Công thức điều chỉnh giá thường có ba thành phần chính:

- Thành phần không được điều chỉnh,
- Thành phần được phép điều chỉnh, và
- Chỉ số giá để đo lường mức điều chỉnh.

Nguồn: Ngân hàng Phát triển Châu Á.

### B. Thành phần không được điều chỉnh

3.5 Phần cố định của công thức điều chỉnh giá được tính toán dựa trên ước tính chi phí quản lý, mức lợi nhuận và dự phòng giá. Phần cố định có thể bao gồm (i) các thành phần chi phí khác mà nhà thầu có thể kiểm soát một cách

hợp lý; (ii) các thành phần có xu hướng ổn định về giá như chi phí thuê thiết bị và chi phí vật liệu nhỏ lẻ; và (iii) các thành phần chi phí được quản lý chặt chẽ. Trong Hướng dẫn người dùng của ADB về Đấu thầu xây lắp: Mẫu hồ sơ mời thầu (2018), tỷ lệ mặc định của phần không được điều chỉnh là 0,15, tuy nhiên con số này sẽ phụ thuộc vào tính toán như trên và có thể dao động trong khoảng 0,1 và 0,2.

3.6 Nhân tố này của công thức không chịu tác động của giá cả leo thang và không được điều chỉnh. Phụ lục 3 cung cấp thêm ví dụ về thành phần này.

## C. Thành phần được phép điều chỉnh

3.7 Thành phần được phép điều chỉnh bao gồm các thành phần chi phí chính của hợp đồng như nhân công, thiết bị và vật liệu là những thành phần mà nhà thầu không thể kiểm soát. Các thành phần này là đối tượng được điều chỉnh giá như quy định trong Bảng dữ liệu điều chỉnh nêu trong hồ sơ mời thầu và được nộp cùng với hồ sơ dự thầu. Hồ sơ mời thầu sẽ quy định những thông tin nào cần được cung cấp trong “Bảng dữ liệu điều chỉnh”. Nhà thầu sẽ cung cấp các hệ số cho phần được phép điều chỉnh đối với khoản thanh toán bằng nội tệ. Đối với các khoản thanh toán bằng ngoại tệ, nhà thầu cũng sẽ đưa ra phần cố định cũng như các hệ số và chỉ số cho phần được phép điều chỉnh trong hồ sơ dự thầu.

3.8 Trong một hợp đồng xây lắp, chi phí vật liệu như thép gia cường, bitum, xi măng, nhân công và nhiên liệu chiếm tỷ trọng đáng kể và phụ thuộc vào điều kiện thị trường hiện hành. Do vậy, các chi phí này thường được đưa vào phần được phép điều chỉnh của hợp đồng. Nhiều chi phí trong số này là chi phí gián tiếp và không được thể hiện thành hạng mục trong bảng tiên lượng, chẳng hạn như chi phí nhân công và nhiên liệu. Mỗi chi phí này sẽ kèm theo một hệ số hoặc trọng số trong công thức điều chỉnh giá, được tính toán dựa trên phần đã được ước tính từ tổng dự toán.

3.9 Nhà thầu thường ở vị thế tốt nhất để xác định trọng số cho từng yếu tố chi phí trong công trình, do nhà thầu nắm rõ nhất các chi phí đầu vào của họ, trong khi bên vay thì không. Việc lựa chọn biện pháp thi công sẽ tác động đáng kể lên các phần chi phí cố định và chi phí được phép điều chỉnh của công thức điều chỉnh giá. Ví dụ, việc sử dụng máy cạp đất hạng nặng thay cho xe cút kít để thi

---

### Hộp 4

#### Lựa chọn biện pháp thi công ảnh hưởng đến việc điều chỉnh giá

Một ví dụ về ảnh hưởng của lựa chọn biện pháp thi công lên trọng số của nhân công và thiết bị trong một hợp đồng là hạng mục thi công đất. Hạng mục này có thể được thực hiện bằng các biện pháp thi công khác nhau sử dụng các loại và số lượng thiết bị khác nhau (ví dụ: từ máy cạp đất hạng nặng đến xe cút kít). Trọng số của yếu tố chi phí nhân công trong hạng mục công trình sẽ là không đáng kể khi nhà thầu chọn sử dụng máy cạp đất hạng nặng, nhưng sẽ trở thành yếu tố chi phí chính khi nhà thầu chọn sử dụng xe cút kít. Trọng số của vật liệu cũng có thể bị ảnh hưởng bởi biện pháp thi công của nhà thầu (ví dụ: chi phí nhiên liệu cần thiết cho thi công công trình và tỷ lệ hao hụt vật liệu thay đổi giữa các nhà thầu khác nhau).

Nguồn: Ngân hàng Phát triển Châu Á.

---

công đất sẽ ảnh hưởng khác biệt lên chi phí nhân công và nhiên liệu (Hộp 4).

3.10 Trong một số trường hợp nhất định (ví dụ: đoạn 3.15), bên vay có thể thiết lập một loạt các trọng số có thể chấp nhận được đối với mỗi yếu tố chi phí thuộc đối tượng điều chỉnh giá dựa trên biện pháp thi công có khả năng được sử dụng để thực hiện tất cả các hoạt động thi công chính dưới hợp đồng.

3.11 Các thông số điều chỉnh giá do nhà thầu đề xuất sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá. Điều này bao gồm tác động dự kiến của việc điều chỉnh giá trong quá trình thực hiện hợp đồng. Do đó việc đánh giá hồ sơ dự thầu sẽ chỉ được dựa trên giá cơ sở của hồ sơ dự thầu.

3.12 Mặc dù điều chỉnh giá không thuộc phạm vi đánh giá hồ sơ dự thầu, bên vay cần đánh giá tất cả các trọng số và nguồn của chỉ số giá do nhà thầu có hồ sơ dự thầu đáp ứng cơ bản và có đánh giá thấp nhất đề xuất. Nếu nhà thầu đưa ra một trọng số được xác định là nằm quá xa ước tính của bên vay hoặc chỉ ra các nguồn của chỉ số giá mà bên vay cho là không hợp lý, bên vay phải yêu cầu nhà thầu làm rõ và chứng minh các khoản mục chi phí được phép điều chỉnh và các hệ số, phân tích chi tiết đơn giá của nhà thầu, và các chỉ số cũng như (các) nguồn của chỉ số bao gồm trong hồ sơ dự thầu trước khi trao hợp đồng. Điều này có thể bao gồm chứng minh nguồn của vật liệu, các cơ chế thương mại hiện có của nhà thầu đối với các thành phần chi phí được phép điều chỉnh, và biện pháp thi công đề xuất. Nếu nhà thầu không thể cung cấp bằng chứng hoặc không chứng minh được tính nhất quán của các trọng số, nguồn hoặc chỉ số giá được đề xuất với biện pháp thi công và các cơ chế khác, bên vay có thể yêu cầu nhà thầu điều chỉnh lại dữ liệu và thông số đã được đề xuất cho công thức điều chỉnh giá.

## D. Các chỉ số giá

3.13 Các thành phần được phép điều chỉnh đã được xác định sẽ được điều chỉnh theo các chỉ số giá khách quan. Việc lựa chọn chỉ số giá sẽ phụ thuộc vào đối tượng được đo lường. Ví dụ, chi phí nhân công có thể chịu tác động bởi nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm, nhưng không giới hạn ở, lạm phát nói chung trong quốc gia của bên vay và biến động tỉ giá, và có thể khó dự đoán hoặc kiểm soát. Tương tự điều này có thể đúng đối với các thành phần và vật liệu khác.

3.14 Các chỉ số được sử dụng để hiển thị mức tăng trong bất kỳ yếu tố nào có tác động đến giá của thành phần đã được xác định. Các chỉ số tiềm năng này bao gồm

- (i) Chỉ số giá trong nước, áp dụng tại địa điểm công trình, chẳng hạn như chỉ số giá bán lẻ, chỉ số giá tiêu dùng, lương tối thiểu hoặc giá nhân công, giá quy định, v.v. cung cấp bởi, ví dụ cơ quan thống kê nhà nước hoặc cơ quan khác. Việc sử dụng các chỉ số này có thể được quy định bắt buộc ở cấp quốc gia.
- (ii) Các chỉ số quốc tế do các tổ chức có uy tín cung cấp và được cộng đồng doanh nghiệp sử dụng rộng rãi. Nguồn của các chỉ số cũng phải lên quan đến nguồn đầu vào nước ngoài và đồng tiền thanh

toán.

- (iii) Trong trường hợp không có các chỉ số trong nước hoặc quốc tế phù hợp, có thể cân nhắc sử dụng các chỉ số so sánh, chỉ số hàng hóa tương tự được quốc tế sử dụng hoặc chỉ số của các nước láng giềng trong khu vực.

3.15 Đối với phần hợp đồng được thanh toán bằng nội tệ, bên vay thường muốn quy định trong hồ sơ mời thầu hệ số cố định và các hạng mục chi phí chính thuộc đối tượng điều chỉnh giá, bao gồm các hệ số, chỉ số và nguồn của các chỉ số tương ứng. Nguồn của các chỉ số cần có sẵn công khai đối với địa điểm dự án hoặc các khu vực lân cận.

3.16 Đối với phần hợp đồng được trả bằng ngoại tệ, nhà thầu nên được đề xuất các chỉ số và xác định trong hồ sơ dự thầu của mình các hạng mục chi phí chính thuộc đối tượng điều chỉnh giá. Khi bên vay yêu cầu, nhà thầu cần chứng minh các hệ số, chỉ số và nguồn của chỉ số được nêu trong hồ sơ dự thầu trước khi bên vay tiến hành trao hợp đồng.

---

## IV. Quản lý hợp đồng

---

4.1 Việc thực hiện điều chỉnh giá đòi hỏi một quy trình kiểm tra xác minh và kỹ năng quản lý hợp đồng. Điều chỉnh giá làm tăng gánh nặng hành chính cho bên vay và, nếu không được quản lý phù hợp, có thể dẫn đến chậm trễ trong thanh toán hợp đồng, rủi ro lạm dụng và các vấn đề về liên chính. Điều quan trọng là cần đảm bảo rằng tổ chức/cá nhân được bên vay chỉ định để thực hiện kiểm tra và xác nhận điều chỉnh giá phải có trình độ chuyên môn cao và kinh nghiệm cụ thể trong việc xử lý các vấn đề điều chỉnh giá.

### A. Thanh toán

4.2 Trong hợp đồng đo đạc từng phần hoặc hợp đồng theo đơn giá, số tiền điều chỉnh giá thường được tính toán hàng tháng bắt đầu từ ngày hiệu lực hợp đồng. Trong trường hợp các chỉ số không được công bố hàng tháng, ví dụ: trên cơ sở hàng quý hay nửa năm, các điều chỉnh sẽ được thực hiện dựa trên chỉ số được công bố cho các tháng tương ứng đó.

4.3 Để phục vụ việc lập ngân sách, một khoản dự phòng cho trượt giá dựa trên các điều chỉnh giá có thể được phân bổ vào hạng mục “Khoản dự phòng tạm tính cho biến động giá” trong hợp đồng. Khi giá hợp đồng tăng do điều chỉnh giá vượt quá số tiền dự phòng, các bên có thể cân nhắc điều chỉnh giá hợp đồng.

### B. Giám sát

4.4 Bên vay cần đảm bảo rằng hồ sơ mời thầu và hợp đồng bao gồm các điều khoản rõ ràng và đầy đủ về điều chỉnh giá. Trong một số trường hợp, chẳng hạn như khi điều chỉnh giá từng là một vấn đề trước đây, bên vay có thể cân nhắc cung cấp một bảng tóm tắt các dữ liệu/hệ số điều chỉnh giá mà các nhà thầu đã nộp trong báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu.

### C. Rủi ro

4.5 Việc sử dụng điều chỉnh giá có thể gây ra rủi ro tham nhũng và gian lận trong quá trình quản lý hợp đồng. Trừ khi các công thức điều chỉnh giá và chỉ số được thiết lập rõ ràng và khách quan và được giám sát thích đáng, có nguy cơ quy định điều chỉnh giá bị thao túng và lạm dụng dẫn đến các khoản thanh toán bổ sung không chính đáng cho nhà thầu. Điều chỉnh giá cần được áp dụng một cách thận trọng cùng với kỹ năng và cần được giám sát phù hợp.

4.6 Trong ví dụ ở Hộp 5, chỉ số giá được công bố trong nước cho cấp phối đá dăm chỉ có thể áp dụng cho điều chỉnh giá theo hợp đồng nếu cơ chế cung ứng của nhà thầu giới hạn ở tình huống (i). Chỉ số giá trong nước cho cốt liệu xây dựng sẽ không phù hợp đối với tình huống (ii) và hoàn toàn không liên quan đối với tình huống (iii).

4.7 Ngay cả trong trường hợp các điều khoản điều chỉnh giá được thiết lập và áp dụng đúng cách, vẫn có nguy cơ bị thao túng. Ví dụ, một nhà thầu có thể tác động đến chỉ số giá do cơ quan thống kê nhà nước công bố trong khu vực dự án (chỉ số giá trong nước) đối với vật liệu mà nhà thầu yêu cầu số lượng lớn và không có nguồn gốc trong khu vực.

---

### Hộp 5

#### Ví dụ về nguồn cho cốt phối đá dăm

Việc thi công đường đòi hỏi một khối lượng lớn cốt phối đá dăm và nhà thầu có thể cung cấp số lượng được yêu cầu thông qua

- (i) Mua toàn bộ số lượng cốt phối đá dăm sẵn có trong khu vực dự án và do đó làm ảnh hưởng đến chỉ số giá được công bố trong nước;
- (ii) Tìm nguồn cung ứng cho toàn bộ hoặc một phần khối lượng cốt phối đá dăm đã dăm được yêu cầu từ ngoài khu vực dự án. Trong trường hợp này chỉ số giá trong nước sẽ trở nên không liên quan;
- (iii) Xin giấy phép để phát triển một mỏ đá mới trong khu vực dự án nhằm đáp ứng yêu cầu của hợp đồng. Trong trường hợp này chi phí cho cốt phối đá dăm sẽ phụ thuộc vào các chỉ số giá không liên quan đến giá của cốt phối đá dăm trong khu vực.

Nguồn: Ngân hàng Phát triển Châu Á.

---

4.8 Như được mô tả trong tình huống (iii), nhà thầu có thể xin giấy phép để phát triển một mỏ đá nhằm đảm bảo nguồn cung cốt phối đá dăm. Điều này không phải là bất thường trong các dự án liên quan đến việc xây dựng các đập bê tông hoặc đường lớn. Mặc dù cơ quan thống kê cấp khu vực hoặc quốc gia có thể công bố chỉ số giá cho cốt phối đá dăm, các chỉ số này sẽ không liên quan và không được phép sử dụng trong điều chỉnh giá dưới hợp đồng. Tuy nhiên, chi phí sản xuất cốt phối đá dăm của nhà thầu sẽ phụ thuộc vào giá tiêu thụ năng lượng liên quan đến nhà máy và thiết bị được nhà thầu sử dụng để sản xuất cốt phối đá dăm, ví dụ như điện, nhiên liệu, v.v. Chi phí của cốt phối đá dăm khi đó có thể được điều chỉnh dựa trên chỉ số giá trong nước đối với nguồn năng lượng.

4.9 Đôi khi, có thể khó xác định chỉ số giá phù hợp cho một yếu tố chi phí. Trong những trường hợp này, bên vay có thể không còn lựa chọn nào khác ngoài việc sử dụng một chỉ số tham chiếu. Ví dụ, chỉ số giá cho xi măng có thể biến động đáng kể vì bị thao túng bởi giá bán buôn và bán lẻ và có tính chất thời vụ. Nếu có thể, nhà thầu sẽ tìm cách cố định giá của xi măng bằng cách ký hợp đồng cung ứng dài hạn với nhà sản xuất xi măng. Tuy nhiên, điều này chỉ khả thi khi nhà thầu yêu cầu một lượng xi măng đáng kể, ví dụ để thi công mặt đường bê tông. Khi số lượng của xi măng không đủ để cho phép nhà thầu ký hợp đồng dài hạn, nhà thầu có thể tìm kiếm một nhà thầu phụ đặc biệt và chuyển rủi ro lạm phát giá sang nhà thầu phụ. Bất kể cơ chế cung ứng của nhà thầu là gì, nếu có

sự tăng giá không lường trước về nguồn năng lượng (ví dụ: khí đốt) để sản xuất xi măng, chi phí xi măng thường sẽ tăng. Bên vay có thể cân nhắc sử dụng chỉ số giá cho khí đốt làm chỉ số tham chiếu để điều chỉnh chi phí xi măng theo hợp đồng.



# Phụ lục 1: Các ví dụ về công thức điều chỉnh giá

A1.1 Bảng A1 cung cấp các ví dụ về công thức điều chỉnh giá từ Mẫu hồ sơ mời thầu (SDB) của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) đối với hàng hóa, công trình xây lắp và nhà máy.

**Bảng A1: Các ví dụ về công thức điều chỉnh giá**

| SBD   | Tham chiếu                         | Điều khoản | Công thức  |
|---|------------------------------------|------------|--|
| Công trình xây lắp quy mô lớn   | FIDIC MDB 2010 <sup>a</sup>        | GCC 13.8   | $P_n = a + b \left( \frac{L_n}{L_o} \right) + c \left( \frac{E_n}{E_o} \right) + d \left( \frac{M_n}{M_o} \right) + \dots$ |
| <p><math>P_n</math> là số nhân điều chỉnh được áp dụng cho giá trị hợp đồng ước tính bằng đơn vị tiền tệ có liên quan của công việc được thực hiện trong khoảng thời gian "n", thời gian này là một tháng, trừ khi có quy định khác trong dữ liệu hợp đồng.</p> <p>"a" (giá trị mặc định là 0,15) là một hệ số cố định, được nêu trong bảng dữ liệu điều chỉnh có liên quan, đại diện cho phần không được điều chỉnh trong khoản thanh toán theo hợp đồng.</p> <p>"b", "c", "d", ... là các hệ số đại diện cho phần ước tính của mỗi yếu tố chi phí liên quan đến việc thực hiện công việc, như được nêu trong bảng dữ liệu điều chỉnh tương ứng. Các yếu tố chi phí được thể hiện trong bảng có thể là các nguồn lực như nhân công, thiết bị và vật liệu.</p> <p><math>(a + b + c + d + \dots = 1)</math></p> <p>"<math>L_n</math>", "<math>E_n</math>", "<math>M_n</math>", ... là các chỉ số chi phí hiện tại hoặc giá tham chiếu cho khoảng thời gian "n", được biểu thị bằng đồng tiền thanh toán tương ứng, mỗi chỉ số được áp dụng cho yếu tố chi phí tương ứng được lập bảng vào thời điểm 49 ngày trước ngày cuối cùng của khoảng thời gian (liên quan đến chứng nhận thanh toán).</p> <p>"<math>L_o</math>", "<math>E_o</math>", "<math>M_o</math>", ... là các chỉ số chi phí hoặc giá tham chiếu, được biểu thị bằng đồng tiền thanh toán tương ứng, mỗi chỉ số được áp dụng cho yếu tố chi phí tương ứng được lập bảng vào ngày cơ sở.<sup>b</sup></p> |                                    |            |  |
| Công trình nhỏ <sup>c</sup>   | Phiên bản hài hòa MDB <sup>d</sup> | GCC 54.1   | $P_c = A_c + B_c \left( \frac{I_{mc}}{I_c} \right)$  |
| <p><math>P_c</math> là hệ số điều chỉnh cho phần của giá hợp đồng phải trả bằng một loại tiền tệ cụ thể "c."</p> <p><math>A_c</math> và <math>B_c</math> là các hệ số được quy định trong Các điều kiện cụ thể của hợp đồng, đại diện cho phần không được điều chỉnh (thường dao động trong khoảng 0,10 - 0,20) và phần được điều chỉnh tương ứng, của giá hợp đồng phải trả bằng loại tiền tệ cụ thể "c." <math>A_c + B_c = 1</math>.</p> <p><math>I_{mc}</math> là chỉ số giá tổng hợp hiện hành tại thời điểm cuối tháng hóa đơn được lập và loc là chỉ số giá tổng hợp hiện hành ở thời điểm 28 ngày trước khi mở thầu đối với các đầu vào phải trả; cả hai đều bằng loại tiền tệ cụ thể "c."</p>   |                                    |            |  |

Bảng A1 (tiếp theo)

| SBD      | Tham chiếu                                      | Điều khoản       | Công thức   |
|----------|---|------------------|---|
| Nhà máy  | Hiệp hội Tiến bộ Kỹ thuật Nhật Bản <sup>e</sup> | Phần 9 Phụ lục 2 | $P_1 = P_0 \times \left( a + b \frac{L_1}{L_0} + c \frac{M_1}{M_0} \right) - P_0$ |
| Hàng hóa | Phiên bản hài hòa MDB <sup>f</sup>              | GCC 15.2         | $P_1 = P_0 \times \left( a + b \frac{L_1}{L_0} + c \frac{M_1}{M_0} \right) - P_0$ |

$P_1$  là số tiền điều chỉnh phải trả cho nhà thầu.

$P_0$  là giá hợp đồng (giá cơ sở).

$a$  = tỷ lệ phần trăm của nhân tố cố định trong giá hợp đồng (đối với hàng hóa,  $a$  thường được thiết lập ở giá trị 5% đến 15%).

$b$  = tỷ lệ phần trăm của thành phần nhân công trong giá hợp đồng.

$c$  = tỷ lệ phần trăm của thành phần vật liệu và thiết bị trong giá hợp đồng.

( $a + b + c = 100\%$ )

$L_0, L_1$  = Các chỉ số nhân công áp dụng cho ngành công nghiệp phù hợp trong quốc gia xuất xứ vào ngày cơ sở và ngày điều chỉnh tương ứng.

$M_0, M_1$  = Các chỉ số vật liệu và thiết bị trong quốc gia xuất xứ vào ngày cơ sở và ngày điều chỉnh.

FIDIC = Hiệp hội Quốc tế các Kỹ sư Tư vấn, GCC = Các điều kiện chung của hợp đồng, MDB = Ngân hàng phát triển đa phương, SBD = Mẫu hồ sơ mời thầu.

<sup>a</sup> FIDIC. 2010. *Các điều kiện của Hợp đồng xây dựng: Phiên bản hài hòa Ngân hàng Phát triển Đa phương, Các điều kiện chung*. Geneva.

<sup>b</sup> Phù hợp với Điều 1.1.3.1 của FIDIC-MDB (2010), “ngày cơ sở” có nghĩa là thời điểm 28 ngày trước ngày cuối cùng để nộp hồ sơ dự thầu.

<sup>c</sup> Công thức điều chỉnh giá trong Mẫu hồ sơ mời thầu dành cho các công trình nhỏ sử dụng “chỉ số tổng hợp”. Chỉ số tổng hợp này cần cụ thể theo lĩnh vực/ngành công nghiệp và phù hợp với các đầu vào của hợp đồng. Mặc dù có sẵn Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số này không phải lúc nào cũng phù hợp để áp dụng cho tất cả các loại hợp đồng xây lắp.

<sup>d</sup> ADB. 2018. *Hướng dẫn người dùng về Đấu thầu xây lắp - Hợp đồng nhỏ: Mẫu hồ sơ mời thầu*. Manila.

<sup>e</sup> ADB. 2018. *Hướng dẫn người dùng về Đấu thầu nhà máy - Thiết kế, cung cấp và lắp đặt: Mẫu hồ sơ mời thầu*. Manila.

<sup>f</sup> ADB. 2018. *Hướng dẫn người dùng về Đấu thầu mua sắm hàng hoá: Mẫu hồ sơ mời thầu*. Manila.

Nguồn: Ngân hàng Phát triển Châu Á.

## Phụ lục 2: Ví dụ về áp dụng và tính toán điều chỉnh giá

### A. Áp dụng công thức điều chỉnh giá cho các phần khác nhau của công việc

**Hồ sơ dự thầu:** Đấu thầu mua sắm nhà máy, thiết kế, cung cấp, lắp đặt, chạy thử và nghiệm thu đưa vào sử dụng đường dây truyền tải 500 kV

Công thức điều chỉnh giá cho Hợp phần 1: nhà máy (bao gồm các phụ tùng bắt buộc) được cung cấp từ nước ngoài và Hợp phần 2: nhà máy (bao gồm các phụ tùng bắt buộc) được cung cấp trong quốc gia của chủ đầu tư.

$$P_1 = P_0 \left( a + b \frac{S_1}{S} + c \frac{A_1}{A} \right)$$

Trong đó:

$P_0$ : Giá cơ sở của hợp đồng.

$P_1$ : Giá hợp đồng đã được điều chỉnh.

a: Phần cố định (30%).

b: Thành phần thép (70% cho các trụ điện, 5% cho dây dẫn nhôm lõi thép, 70% cho dây dẫn có bọc chắn, 55% cho dây sợi quang nổi đất).

c: Thành phần hợp kim nhôm hoặc nhôm (70% cho tất cả các dây dẫn hợp kim nhôm, 65% cho dây dẫn nhôm lõi thép, 15% cho dây sợi quang nổi đất).

$S_0/S_1$ : Giá cơ sở/giá sửa đổi của thép (\$/tấn) hiện hành tại thời điểm 28 ngày trước ngày mở thầu hoặc 60 ngày trước ngày gửi hàng/giao hàng của nhà sản xuất của lô hàng tương ứng, dựa trên tỷ giá tiền mặt (chính thức) của Sàn giao dịch Kim loại Luân Đôn (London Metal Exchange) áp dụng cho tất cả các loại thép hoặc giá phôi thép của các nhà máy thép trong nước (tuỳ trường hợp nào được áp dụng).

$A_0$ : Giá cơ sở của nhôm (đối với dây dẫn nhôm lõi thép) hoặc hợp kim nhôm (đối với tất cả các dây dẫn hợp kim nhôm (\$/tấn) hiện hành tại thời điểm 28 ngày trước ngày mở thầu dựa trên tỷ giá tiền mặt (chính thức) của Sàn giao dịch Kim loại Luân Đôn (London Metal Exchange).

$A_1$ : Giá sửa đổi của nhôm (\$/tấn) hiện hành tại thời điểm 60 ngày trước ngày gửi hàng/giao hàng của nhà sản xuất của lô hàng tương ứng.

Công thức điều chỉnh giá cho Hợp phần 3: lắp đặt và các dịch vụ khác

Đối với công trình nền móng:

$$A_1 = A/100 \times \left( 30 + 20 \frac{UL_1}{UL} + 14 \frac{L_1}{L} + 5 \frac{P_1}{P} + 11 \frac{D_1}{D} + 15 \frac{S_1}{S} + 5 \frac{C_1}{C} \right)$$

Đối với công việc lắp đặt (dựng và xâu chuỗi đường truyền):

$$A_1 = A/100 \times \left( 30 + 26 \frac{UL_1}{UL} + 14 \frac{L_1}{L} + 10 \frac{P_1}{P} + 20 \frac{D_1}{D} \right)$$

Trong đó:

$A_0$ : Số tiền đã được sửa đổi để thanh toán.

A: Số tiền phải trả cho nhà thầu theo các đơn giá được ghi trong biểu giá, cho công việc được thực hiện sau ngày có thay đổi về đơn giá hoặc giá nhân công hoặc vật liệu được đề cập trong phần này.

$UL/UL_1$ : Mức lương tối thiểu hàng tháng cơ bản/được sửa đổi cho lao động phổ thông tại thời điểm 28 ngày trước ngày mở thầu/bắt đầu tháng thi công như được nêu trong bản tin thống kê hàng tháng.

$L/L_1$ : Mức lương tối thiểu hàng tháng cơ bản/được sửa đổi cho lao động lành nghề (thợ xây) tại thời điểm 28 ngày trước ngày mở thầu/bắt đầu tháng thi công như được nêu trong bản tin thống kê hàng tháng.

$P/P_1$ : Giá cơ bản/giá sửa đổi của xăng cao cấp dành cho động cơ (để bán qua các cửa hàng bán lẻ), giá bán tối đa tại kho, tại thời điểm 28 ngày trước ngày mở thầu/bắt đầu tháng thi công.

$D/D_1$ : Giá cơ bản/giá sửa đổi của dầu diesel nhẹ, giá bán tối đa tại kho, tại thời điểm 28 ngày trước ngày mở thầu/bắt đầu tháng thi công.

$S/S_1$ : Giá cơ bản/giá sửa đổi của thanh cốt thép - thanh cốt thép tròn nửa inch, tại thời điểm 28 ngày trước ngày mở thầu/bắt đầu tháng thi công như được nêu trong bản tin thống kê hàng tháng.

$C/C_1$ : Giá cơ bản/giá sửa đổi của xi măng Portland hoặc xi măng chống sunfat, tại thời điểm 28 ngày trước ngày mở thầu/bắt đầu tháng thi công như được nêu trong bản tin thống kê hàng tháng.

## B. Tính toán các hệ số điều chỉnh

**Hồ sơ dự thầu:** Thi công đường cao tốc

### Thanh toán bằng đồng nội tệ

Giá cơ bản của các thành phần chi phí được phép điều chỉnh

|                           |                           |   |                           |
|---------------------------|---------------------------|---|---------------------------|
| Cốt thép (cấp 60)         | 84.000/tấn                | Diesel tốc độ cao   | 109,34/lít                |
| Bitum (hàng số lượng lớn) | Bitum (hàng số lượng lớn) | Chi phí dầu diesel chiếm 50,13% đầu vào thiết bị dựa trên tính toán từ chi phí sở hữu và/hoặc vận hành được nêu trong giá tiêu chuẩn trong nước |                           |
| Xi măng                   | 550/bao                   | Đầu vào nhân công   | Giá tiêu chuẩn trong nước |

Tổng dự toán chi phí của kỹ sư = 9.276.789.923 (bao gồm các khoản tạm tính)

| Các yếu tố chi phí | Chi phí ước tính | Phần trăm dự toán chi phí của kỹ sư |          |
|--------------------|------------------|-------------------------------------|----------|
|                    |                  | Số tiền                             | Làm tròn |
| Cốt thép (cấp 60)  | 410.725.989      | 0,044                               | 0,05     |
| Bitum              | 774.830.400      | 0,084                               | 0,09     |
| Xi măng            | 268.818.992      | 0,029                               | 0,03     |
| Nhân công          | 559.871.905      | 0,060                               | 0,06     |
| Diesel tốc độ cao  | 1.441.490.270    | 0,155                               | 0,16     |

### Tổng số tiền phải thanh toán bằng đồng nội tệ

| Phần được điều chỉnh                  |             | Phần không được điều chỉnh   |             |
|---------------------------------------|-------------|--|-------------|
| Các yếu tố chi phí (quy định)         | Tỷ trọng    | Các yếu tố chi phí (quy định)  | Tỷ trọng    |
| Cốt thép (cấp 60)                     | 0,05        | Chi phí quản lý và lợi nhuận của nhà thầu                                  | 0,25        |
| Bitum                                 | 0,09        | Thuế và bảo hiểm   | 0,10        |
| Xi măng                               | 0,03        | Cát, chi phí nghiền, mượn, thuê thiết bị, sơn, các vật liệu linh tinh khác | 0,26        |
| Nhân công                             | 0,06        | <b>Tổng phần không được điều chỉnh</b>                                     | <b>0,61</b> |
| Diesel tốc độ cao                     | 0,16        |  |             |
| <b>Tổng phần được phép điều chỉnh</b> | <b>0,39</b> |  |             |

Tổng phần không được điều chỉnh + được phép điều chỉnh = 1

### C. Tính toán số tiền điều chỉnh (A)

Bảng dữ liệu điều chỉnh trong hồ sơ dự thầu của nhà thầu và được thống nhất trong hợp đồng

| Mô tả Chi số          | Nguồn Chi số | Hệ số  |
|-----------------------|--------------|--------|
| Không được điều chỉnh |              | 0,1500 |
| Nhân công             | A            | 0,3400 |
| Cốt liệu              | B            | 0,0425 |
| Bitum                 | B            | 0,0425 |
| Nhiên liệu (Diesel)   | C            | 0,0850 |
| Cốt thép              | B            | 0,0850 |
| Thép mạ kẽm           | B            | 0,0850 |
| Xi măng               | B            | 0,0850 |
| Gỗ xây dựng           | B            | 0,0850 |
| Tổng (phải bằng 1)    |              | 1,0000 |

Giấy chứng nhận thanh toán tạm thời do kỹ sư đệ trình (dựa trên tuyên bố của nhà thầu) và được chủ đầu tư xác nhận (bằng tiền đô la Mỹ):

Tổng giá trị ước tính 175.000.000

Giá trị từ giai đoạn trước 160.000.000

| Mô tả Chi số        | Chi số tại Ngày cơ sở ( $L_0$ ) | Chi số tại Ngày điều chỉnh ( $L_n$ ) |
|---------------------|---------------------------------|--------------------------------------|
| Nhân công           | 84,8                            | 85,3                                 |
| Cốt liệu            | 98,1                            | 117,7                                |
| Bitum               | 102,9                           | 113,5                                |
| Nhiên liệu (Diesel) | 282,1                           | 283,4                                |
| Cốt thép            | 328,8                           | 362,5                                |
| Thép mạ kẽm         | 330,1                           | 363,4                                |
| Xi măng             | 259,5                           | 243,2                                |
| Gỗ xây dựng         | 128,1                           | 128,1                                |

## Tính toán số nhân điều chỉnh

| Hạng mục              | Nguồn chỉ số | Hệ số  | Chỉ số          |                    | Số nhân điều chỉnh |
|-----------------------|--------------|--------|-----------------|--------------------|--------------------|
|                       |              |        | Cơ sở ( $I_o$ ) | Hiện tại ( $I_n$ ) |                    |
|                       |              | 1      | 2               | 3                  | 4=1x(3/2)          |
| Không được điều chỉnh |              | 0,1500 | Không áp dụng   | Không áp dụng      | 0,15000            |
| Nhân công             | A            | 0,3400 | 84,8            | 85,3               | 0,34200            |
| Cốt liệu              | B            | 0,0425 | 98,1            | 117,7              | 0,05099            |
| Bitum                 | B            | 0,0425 | 102,9           | 113,5              | 0,04688            |
| Nhiên liệu (Diesel)   | C            | 0,0850 | 282,1           | 283,4              | 0,08539            |
| Cốt thép              | B            | 0,0850 | 328,8           | 362,5              | 0,09371            |
| Thép mạ kẽm           | B            | 0,0850 | 330,1           | 363,4              | 0,09357            |
| Xi măng               | B            | 0,0850 | 259,5           | 243,2              | 0,07966            |
| Gỗ xây dựng           | B            | 0,0850 | 128,1           | 128,1              | 0,08500            |
|                       |              | 1,0000 |                 | $P_n$              | 1,02720            |

## Tính toán số tiền thanh toán tạm thời (bảng đô la Mỹ)

|   |             |
|---|-------------|
| Tổng giá trị ước tính                                     | 175.000.000 |
| Trừ đi giá trị từ giai đoạn trước                         | 160.000.000 |
| Giá trị thực tế của công việc đối với chứng nhận này (EV) | 15.000.000  |
| Số nhân điều chỉnh ( $P_n$ )                              | x 1,02720   |
| Giá trị ước tính được điều chỉnh ( $P_n \times EV$ )      | 15.408.000  |
| Số tiền điều chỉnh  | 408.000     |

**D. Tính toán số tiền điều chỉnh (B)**

Công thức điều chỉnh giá:

$$P_n = a + b L_n/L_o + c F_n/F_o + d C_n/C_o + e S_n/S_o + f E_n/E_o + g M_n/M_o$$

Trong đó: “ $P_n$ ” là hệ số điều chỉnh được áp dụng cho giá trị ước tính của công việc được thực hiện trong tháng “n.”

## Phạm vi cho phép

| Hệ số | Mô tả                            | Phạm vi (%) | Thanh toán<br>bảng đồng<br>nội tệ | Thanh toán<br>bảng đồng<br>ngoại tệ |
|-------|----------------------------------|-------------|-----------------------------------|-------------------------------------|
| a     | Cố định                          | 20          | 20                                |                                     |
| b     | Nhân công                        |             |                                   |                                     |
|       | Trong nước                       | 6-10        | 7                                 |                                     |
|       | Nhân viên nước ngoài             | 3-7         | Không áp dụng                     |                                     |
| c     | Nhiên liệu                       | 12-18       | 18                                |                                     |
| d     | Xi măng                          | 4-8         | 7                                 | (sẽ được điền bởi nhà thầu)         |
| e     | Cốt thép                         | 6-10        | 8                                 |                                     |
| f     | Thiết bị và máy móc của nhà thầu | 11-22       | 20                                |                                     |
| g     | Vật liệu khác                    |             |                                   |                                     |
|       | Trong nước                       | 5-9         | 6                                 |                                     |
|       | Nhập khẩu                        | 14-18       | 14                                |                                     |
|       | Tổng                             |             | 100                               |                                     |

| Chỉ số cho                                    | Quốc gia xuất xứ của đầu vào | Tiền tệ của chỉ số | Nguồn chỉ số được công bố   | Giá trị cơ sở (nội tệ) |
|---|------------------------------|--------------------|---|------------------------|
| Nhân công, trong nước (L)                     | Trong nước                   | Nội tệ             | Thống kê trong nước đối với lao động phổ thông  | 6.000/tháng            |
| Nhiên liệu (F)                                | Trong nước                   | Nội tệ             | Bản tin thống kê của nhà nước về dầu  | 459,08                 |
| Xi măng (C)                                   | Trong nước                   | Nội tệ             | Bản tin trong nước  | 5.600/tấn              |
| Cốt thép (S)                                  | Trong nước                   | Nội tệ             | Bản tin trong nước  | 62.250/tấn             |
| Cung cấp và bảo trì thiết bị của nhà thầu (E) | Nước ngoài                   | Đồng ngoại tệ      | Cục thống kê Lao động Hoa Kỳ - Chỉ số giá sản xuất: hàng hóa, máy móc xây dựng và thiết bị  | 190,70                 |
| Vật liệu khác, trong nước (M)                 | Trong nước                   | Nội tệ             | Chỉ số giá tiêu dùng nói chung được đăng tên bản tin thống kê hàng tháng                    | 223,58                 |
| Nhập khẩu (M)                                 | Nước ngoài                   | Đồng ngoại tệ      | Cục thống kê Lao động Hoa Kỳ - Chỉ số giá sản xuất: vật liệu và các thành phần cho xây dựng | 207,40                 |



Tính toán (bảng đồng nội tệ)

| Mô tả     | L <sub>0</sub>  | Giá/lít |        | Fo    | C <sub>0</sub> | S <sub>0</sub> | E <sub>0</sub> | MI <sub>0</sub> | MF <sub>0</sub> | Có định | Tổng hệ số | Điều chỉnh giá (Thành phần bảng đồng nội tệ) |                    |           |
|-----------|-----------------|---------|--------|-------|----------------|----------------|----------------|-----------------|-----------------|---------|------------|--|--------------------|-----------|
|           |                 | Xăng    | Diesel |       |                |                |                |                 |                 |         |            | Số lượng IPC 75% thực hiện                   | Số tiền điều chỉnh |           |
| IPC       | Tỷ trọng (%)    | 7       | 18     | 7     | 8              | 20             | 6              | 14              | 20              | 20      |            | 100% công việc được thực hiện                | Số tiền điều chỉnh |           |
| Stt       | Chỉ số cơ sở    | 6.000   | 75,08  | 5.600 | 62.250         | 190,70         | 134,34         | 207,40          |                 |         |            |  |                    |           |
| Tháng Ba  | Chỉ số hiện tại | 7.000   | 97,66  | 8.500 | 71.750         | 204,20         | 164,98         | 217,40          |                 |         |            |  |                    |           |
|           | Hệ số           | 8,17    | 24,11  | 10,63 | 9,22           | 21,42          | 7,37           | 14,68           | 20,00           | 115,58  | 32.861,622 | 43.815,496                                   | 50.643,595         | 6.828,099 |
| 2         | Chỉ số hiện tại | 7.000   | 105,69 | 8.500 | 74.750         | 204,50         | 168,00         | 218,30          |                 |         |            |  |                    |           |
|           | Hệ số           | 8,17    | 25,35  | 10,63 | 9,61           | 21,45          | 7,50           | 14,74           | 20,00           | 117,43  | 32.861,622 | 43.815,496                                   | 51.453,698         | 7.638,202 |
| Tháng Năm | Chỉ số hiện tại | 7.000   | 103,36 | 9.000 | 74.750         | 205,10         | 169,93         | 219,10          |                 |         |            |  |                    |           |
|           | Hệ số           | 8,17    | 250,3  | 11,25 | 9,61           | 21,51          | 7,59           | 14,79           | 20,00           | 117,94  | 32.861,622 | 43.815,496                                   | 51.676,876         | 7.861,380 |

## E. Tính toán số tiền điều chỉnh (C)

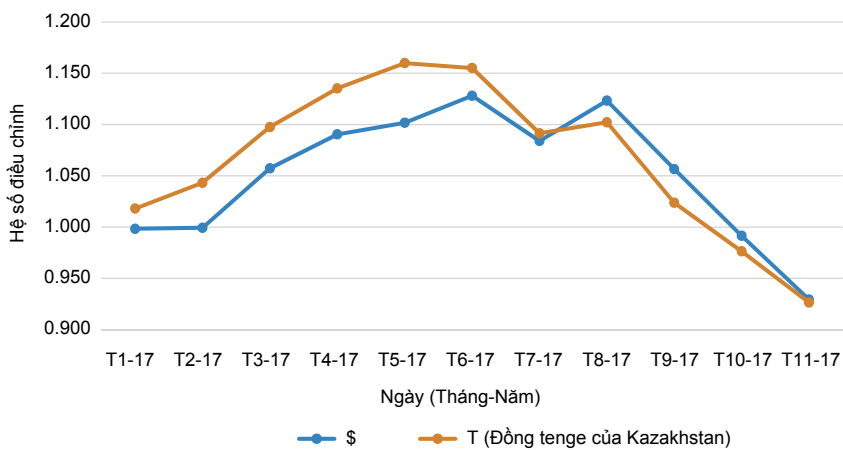
Trong trường hợp “tiền tệ của chỉ số” không phải là đồng tiền thanh toán có liên quan, mỗi chỉ số sẽ được chuyển đổi thành đồng tiền thanh toán có liên quan để loại bỏ chênh lệch do tỷ giá hối đoái.

Ví dụ: Thanh toán được thực hiện bằng \$ (đồng tiền thanh toán là đô la Mỹ), chi tiêu thực tế và công thức điều chỉnh giá là bằng T hoặc tenge (tiền tệ của chỉ số ở Kazakhstan là T). Hình A2 cho ví dụ về cách thức mà hệ số điều chỉnh tiền tệ có thể thay đổi theo tháng.

$$P_n = 0.1 + (0.9) (\text{Giá dầu tại } T_n) / (\text{Giá dầu tại } T_0)$$

| Ngày<br>(2017) | Giá dầu |            | T/\$   | Giá dầu |            | Báo cáo<br>hàng tháng<br>(MS) | MS điều<br>chỉnh (\$)<br>$P_n \times MS$ (1) | MS điều<br>chỉnh (\$)<br>$P_n \times MS$<br>(1) | $\Delta$<br>(2)-(1) |
|----------------|---------|------------|--------|---------|------------|-------------------------------|--|---|---------------------|
|                | (\$)    | $P_n$ (\$) |        | (T)     | $P_n'$ (T) |                               |  |   |                     |
| 1-T1           | 53,78   |            | 327,26 | 17.599  |            |                               |  |   |                     |
| 1-T2           | 53,88   | 0,998      | 320,22 | 17.253  | 1,018      | 120.000                       | 119.800                                      | 122.169   | 2.369               |
| 1-T3           | 53,82   | 0,999      | 312,03 | 16.793  | 1,043      | 150.000                       | 149.900                                      | 156.483   | 6.583               |
| 1-T4           | 50,56   | 1,057      | 314,04 | 15.878  | 1,098      | 120.000                       | 126.878                                      | 131.712   | 4.833               |
| 1-T5           | 48,87   | 1,090      | 313,07 | 15.299  | 1,135      | 160.000                       | 174.468                                      | 181.648   | 7.180               |
| 1-T6           | 48,32   | 1,102      | 309,28 | 14.944  | 1,160      | 200.000                       | 220.339                                      | 231.982   | 11.643              |
| 1-T7           | 47,08   | 1,128      | 318,88 | 15.012  | 1,155      | 250.000                       | 282.020                                      | 288.774   | 6.754               |
| 1-T8           | 49,19   | 1,084      | 324,78 | 15.975  | 1,091      | 180.000                       | 195.116                                      | 196.467   | 1.350               |
| 1-T9           | 47,30   | 1,123      | 334,14 | 15.804  | 1,102      | 160.000                       | 179.728                                      | 176.353   | -3.375              |
| 1-T10          | 50,60   | 1,057      | 338,89 | 17.147  | 1,024      | 280.000                       | 295.837                                      | 286.642   | -9.195              |
| 1-T11          | 54,29   | 0,992      | 332,92 | 18.074  | 0,976      | 320.000                       | 317.295                                      | 312.439   | -4.856              |
| 1-T12          | 58,36   | 0,929      | 328,42 | 19.166  | 0,926      | 320.000                       | 297.398                                      | 296.454   | -944                |
| Tổng $\Delta$  |         |            |        |         |            |                               |  | 22,343  |                     |

Hình A2: Hệ số điều chỉnh đối với dầu



Nguồn: Ngân hàng Phát triển Châu Á.

## Phụ lục 3: Thành phần không được điều chỉnh

A3.1 Phần không được điều chỉnh của công thức điều chỉnh giá bao gồm các thành phần giá khác, ngoài nhân công, thiết bị và vật liệu, và thông thường bao gồm chi phí quản lý, chi phí dự phòng và lợi nhuận của nhà thầu. Phần không được điều chỉnh này cũng có thể bao gồm các thành phần chi phí mà nhà thầu có khả năng kiểm soát được.

*Phần không được điều chỉnh = Chi phí dự phòng + Chi phí quản lý + Lợi nhuận + Các thành phần chi phí có thể kiểm soát*

### A. Dự phòng

A3.2 Nếu nhà thầu không thể ước tính được chính xác chi phí thực tế của công việc tại thời điểm đấu thầu, nhà thầu sẽ đưa vào giá dự thầu một khoản dự phòng bao gồm cả dự phòng vật chất và dự phòng giá liên quan đến thực hiện công việc. Dự phòng thường được xác định dựa trên đánh giá của nhà thầu về mức độ rủi ro đi kèm với việc thực hiện hợp đồng và kết quả đánh giá có thể phụ thuộc vào kinh nghiệm và kiến thức của nhà thầu về quốc gia và thị trường của bên vay (hoặc bên nhận viện trợ không hoàn lại). Cũng giống như nhà thầu, bên vay sẽ đưa vào dự toán chi phí của mình một khoản dự phòng trong quá trình chuẩn bị thiết kế kỹ thuật chi tiết của dự án. Ước tính tương ứng, thường là 5% của chi phí ước tính của công trình, có thể được sử dụng để xác định phần không được điều chỉnh như được xác nhận bởi nhà thầu thiết kế chịu trách nhiệm chuẩn bị thiết kế kỹ thuật chi tiết.

### B. Chi phí quản lý

A3.3 Nhà thầu sẽ đưa chi phí quản lý của mình vào giá dự thầu dựa trên ước tính chi phí của nhà thầu cho việc thực hiện các hoạt động tại công trình (chi phí quản lý công trình) và cho chi phí quản lý chung của công ty. Nhà thầu hoàn toàn có thể xác định, kiểm soát và quản lý chi phí quản lý này. Các nhà thầu khác nhau sử dụng cơ sở khác nhau để xác định chi phí quản lý của mình. Một số nhà thầu tính toán chi phí quản lý cụ thể cho các hạng mục của công trình, ví dụ: nhân công, vật liệu, thiết bị hay các hạng mục được thầu phụ. Một số khác áp dụng tỷ lệ phần trăm chi phí quản lý cố định cho tất cả các hạng mục của công trình. Chi phí quản lý của nhà thầu có thể thay đổi trong biên độ đáng kể. Cũng không có gì lạ khi nhà thầu từ bỏ một phần chi phí quản lý chung và đề xuất giảm giá để tiếp thị hoặc dựa trên các cân nhắc khác. Trong các trường hợp, bên vay có thể cân

nhắc các phương án sau:

- (i) Phương án I: Yêu cầu nhà thầu xác định chi phí quản lý trong hồ sơ dự thầu với điều kiện các dữ liệu này sẽ được áp dụng như nhau để xác định cả phần không được điều chỉnh của giá hợp đồng và giá trị của bất kỳ công việc mới nào mà bên vay và/hoặc chủ đầu tư có thể yêu cầu trong quá trình thực hiện. Cách tiếp cận này sẽ khuyến khích nhà thầu cung cấp cho bên vay và/hoặc chủ đầu tư dữ liệu thực tế về chi phí quản lý của mình tại thời điểm đấu thầu.
- (ii) Phương án II: Chuẩn bị dự toán riêng về chi phí quản lý của nhà thầu và sử dụng ước tính này khi xác định phần không được điều chỉnh của giá hợp đồng. Giống như với chi phí dự phòng, bên vay thường dự toán chi phí quản lý dao động trong khoảng 10% đến 20% của chi phí ước tính cho công trình trong quá trình chuẩn bị thiết kế kỹ thuật chi tiết cho dự án. Tuy nhiên, cơ quan chủ quản cần lưu ý rằng dự toán của họ có thể làm phát sinh tranh chấp sau khi trao hợp đồng, nếu dự toán đó được xem là không hợp lý và không phục vụ đúng mục đích theo hợp đồng.

## C. Lợi nhuận

A3.4 Nhà thầu sẽ đưa một biên lợi nhuận vào giá dự thầu dựa trên chiến lược tiếp thị, lợi ích đạt được từ dự án và các cân nhắc khác. Các ngân hàng phát triển đa phương thường yêu cầu xác định “lợi nhuận” bằng “5% của chi phí.”<sup>4</sup> Định nghĩa này được quy định trong Hợp đồng xây dựng, Phiên bản hài hòa Ngân hàng Phát triển Đa phương của Hiệp hội Quốc tế các Kỹ sư Tư vấn (FIDIC) năm 2010, với khái niệm “chi phí cộng với lợi nhuận”. Tỷ lệ này cũng có thể được sử dụng khi xác định phần không được điều chỉnh.

## D. Các yếu tố chi phí có thể kiểm soát

A3.5 Một nhà thầu có kinh nghiệm có thể kiểm soát hoặc giảm thiểu trượt giá trong tương lai đối với nhiều yếu tố chi phí của công trình. Phần ước tính của các yếu tố chi phí như vậy có thể bao gồm trong phần không được điều chỉnh của giá hợp đồng.

A3.6 Hầu hết các nhà thầu sẽ có thể đảm bảo được các hợp đồng thuê dài hạn hoặc thuê ngắn hạn với giá cố định để cung cấp máy móc và thiết bị chính cần thiết để thực hiện công việc sửa chữa, duy tu đường. Cũng không ngạc nhiên khi nhiều nhà thầu sở hữu máy móc và thiết bị chuyên dụng cần thiết để thực hiện các hoạt động của mình, hay những máy móc, thiết bị mà nhà thầu khó có thể huy động nhanh chóng. Ví dụ về các máy móc, thiết bị như vậy có thể bao gồm trạm trộn bê tông và nhựa đường, giàn nâng và đóng cọc hạng nặng hay máy nạo vét và khoan hầm. Trường hợp nhà thầu sở hữu máy móc và thiết bị

<sup>4</sup> FIDIC. 2010. *Các điều kiện của Hợp đồng xây dựng: Phiên bản hài hòa Ngân hàng Phát triển Đa phương*. Các điều kiện chung. Điều 1.2, Giải thích. Geneva.

chuyên dụng, chi phí sở hữu sẽ được tính vào chi phí quản lý và nhà thầu có thể kiểm soát được. Bất cứ khi nào có thể, các nhà thầu cũng sẽ cố gắng đàm phán hợp đồng cung cấp vật liệu dựa trên phương thức giá cố định. Các nhà thầu cũng có thể thuê nhà thầu phụ đặc biệt để thực hiện một phần công trình trên cơ sở giá cố định.

A3.7 Bên vay cần thực hiện đánh giá thị trường và xác định các yếu tố chi phí chính của công trình mà nhà thầu có khả năng kiểm soát hoặc đưa mức dự phòng hợp lý vào giá dự thầu. Hoạt động đánh giá này có thể bao gồm thống kê dữ liệu về biến động giá cho các yếu tố chi phí chính của công trình trong vòng 5 năm qua. Nếu dữ liệu cho thấy biến động giá đối với một yếu tố chi phí là ổn định trong khoảng thời gian này, và do đó có thể dự đoán được, bên vay có thể xem xét đưa thành phần chi phí đó vào phần không được điều chỉnh của hợp đồng.



## **Điều chỉnh giá**

### *Hướng dẫn đấu thầu*

Hướng dẫn này thảo luận về các điều khoản điều chỉnh giá đối với các hợp đồng mua sắm hàng hóa, xây lắp và nhà máy. Điều chỉnh giá là việc điều chỉnh giá tổng thể của một hợp đồng để tính đến những thay đổi hợp lý trong chi phí thực hiện hợp đồng. Điều khoản điều chỉnh giá bao gồm các công thức được thiết kế để bảo vệ cả bên vay và nhà thầu trước các biến động giá cả. Các công thức điều chỉnh giá cho phép nhà thầu chào các mức giá sát với thực tế hơn tại thời điểm đấu thầu, bằng cách ước tính các tác động chi phí thực tế. Có nhiều công thức điều chỉnh giá khác nhau có thể được áp dụng trong các hợp đồng, tùy thuộc vào quy mô và thành phần của hợp đồng.

### **Giới thiệu về Ngân hàng Phát triển Châu Á**

Tầm nhìn của ADB là phát triển khu vực Châu Á và Thái Bình Dương không có đói nghèo. Nhiệm vụ của Ngân hàng là hỗ trợ các quốc gia thành viên đang phát triển giảm nghèo và cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân. Mặc dù đạt được nhiều thành công, khu vực này vẫn là nơi cư trú của tỷ lệ lớn người dân nghèo của thế giới. ADB cam kết giảm nghèo thông qua phát triển kinh tế toàn diện, tăng trưởng bền vững về môi trường và hội nhập khu vực.

ADB có trụ sở đặt tại Manila với 67 quốc gia thành viên, bao gồm 48 quốc gia trong khu vực. Công cụ chính để Ngân hàng hỗ trợ các quốc gia thành viên đang phát triển là đối thoại chính sách, cho vay vốn, đầu tư cổ phần, bảo lãnh, viện trợ không hoàn lại và hỗ trợ kỹ thuật.



#### **NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN CHÂU Á**

Số 6 đại lộ ADB, thành phố Mandaluyong

1550 Metro Manila, Philippines

[www.adb.org](http://www.adb.org)